

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 279/2025/DS-ST

Ngày: 29/9/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rễn.

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đan Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2025/TLST-DS ngày 16/5/2025, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: Số H, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là số H, đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm T1 và XLN pháp lý.

Địa chỉ liên lạc: Tầng G, số D, N, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Thanh S - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ và ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2025).

Bị đơn: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh).

(ông Nguyễn Văn H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; ông Đặng Văn N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H đã trình bày:

Ông Đặng Văn N có ký kết hợp 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V (V1) gọi tắt là V1, vay tiền để tiêu dùng như sau:

1. Ngày 23/02/2024, ông Đặng Văn N ký kết hợp đồng tín dụng số LD2405401882, vay số tiền 85.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 48 tháng.

2. Ngày 24/02/2024, ông Đặng Văn N ký kết hợp đồng tín dụng số 148-P-3482888, vay số tiền 60.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng.

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 42%/năm và lãi suất này được điều chỉnh theo từng giai đoạn; lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi của suất trong hạn; thời hạn được tính theo năm với một năm là 365 ngày.

Sau khi vay ông N có trả được số tiền gốc 2.448.681 đồng và tiền lãi trong hạn 13.381.350 đồng đối với hợp đồng tín dụng số LD2405401882 nhưng không đúng hạn nên V1 đề nghị chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ông N thanh toán tiền còn nợ cho V1 nhưng ông N không thực hiện. Do đó, V1 khởi kiện.

Yêu cầu ông N trả số tiền gốc và tiền lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng số LD2405401882 tính đến ngày 29/9/2025 là 146.116.925 đồng (trong đó gồm: tiền nợ gốc 82.551.319 đồng + tiền lãi trong hạn 2.548.760 đồng + tiền lãi quá hạn 61.016.846 đồng) và yêu cầu ông N tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Riêng đối với yêu cầu ông **N** trả khoản tiền nợ gốc và tiền nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 148-P-3482888 với số tiền gốc 60.000.000 đồng thì **V1** xin rút yêu cầu này. **V1** sẽ tách ra khỏi kiện trong vụ án khác.

Bị đơn – ông Đặng Văn N: Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông **N** không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành tốt những quy định pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương Mại Cổ phần V (V1)**. Buộc ông **Đặng Văn N** phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 146.116.925 đồng và khoản lãi phát sinh theo hợp đồng ký kết theo hợp đồng vay số LD 2405401882 ngày 23/02/2024.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện ông **Đặng Văn N** phải trả khoản nợ thẻ tín dụng 82.018.224 đồng theo hợp đồng số 148-P-3482888 ngày 24/02/2024.

- Về án phí: Buộc ông **Đặng Văn N** phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. **Ngân hàng TMCP V (V1)** không phải chịu án phí và được hoàn trả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] **V1** khởi kiện yêu cầu ông **N** trả lại số tiền còn nợ theo hợp đồng là tranh chấp về hợp đồng được quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông **N** có nơi cư trú tại **ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp B, xã H, tỉnh Tây Ninh)** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh được quy định Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đại diện theo ủy quyền của **V1** vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đối với ông **N** vắng mặt nhưng không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông **N** là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của **V1** thấy rằng:

- Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do **V1** cung cấp và Tòa án thu thập thì thấy rằng: Ông **Đặng Văn N** có ký 02 hợp đồng tín dụng số LD2405401882 ngày 23/02/2024, vay số tiền 85.000.000 đồng và đồng tín dụng số 148-P-3482888 ngày 24/02/2024, vay số tiền 60.000.000 đồng; thời hạn vay lần lượt là 48 tháng và 60 tháng đối với 02 hợp đồng này. Lãi suất vay trong hạn là 42%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 150% lãi của suất trong hạn; thời hạn được tính theo năm với một năm là 365 ngày. Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp về hình thức, nội dung và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Từ sau khi giải ngân đến nay, ông **N** thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho **V1** và đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, ông **N** đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên **V1** khởi kiện yêu cầu ông **N** trả số nợ còn lại theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký là có cơ sở chấp nhận.

Buộc ông **Đặng Văn N** trả cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** số tiền gốc và tiền lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng số LD2405401882 ngày 23/02/2024 tính đến ngày 29/9/2025 là 146.116.925 đồng và tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số LD2405401882 ngày 23/02/2024 cho đến khi thanh toán xong.

- Riêng đối với yêu cầu ông **N** trả khoản tiền nợ gốc và tiền nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 148-P-3482888 với số tiền gốc 60.000.000 đồng thì **V1** có đơn đề nghị rút yêu cầu đối với phần này vào ngày 22/9/2025. Căn cứ vào Điều 5; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của **V1** là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Ông **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; **V1** không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố Tụng dân sự; khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức Tín dụng, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V (V1)** đối với ông **Đặng Văn N**.

- Buộc ông **Đặng Văn N** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** số tiền gốc và tiền lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng số LD2405401882 tính đến ngày 29/9/2025 là 146.116.925 (một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm mười sáu nghìn chín trăm hai mươi lăm) đồng và tiếp tục trả tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số LD2405401882 cho đến khi thanh toán xong.

- Kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2025, nếu ông **Đặng Văn N** chưa thanh toán số tiền nêu trên cho **Ngân hàng TMCP V (V1)** thì ông **Đặng Văn N** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng số LD2405401882 ngày 23/02/2024 cho đến khi thanh toán xong.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V (V1)** đối với ông **Đặng Văn N** về việc yêu cầu ông **Đặng Văn N** trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 148-P-

3482888. **Ngân hàng TMCP V (V1)** được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông **Đặng Văn N** phải chịu 7.305.800 (bảy triệu ba trăm lẻ năm nghìn tám trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. **Ngân hàng TMCP V (V1)** không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.823.500 (bốn triệu tám trăm hai mươi ba nghìn năm trăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012682 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

3. Quyền kháng cáo: **Ngân hàng TMCP V (V1)** và ông **Đặng Văn N** được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trang Thái Châu